

LESSON 1**I.NEW WORDS**

- never	: không bao giờ
- sometimes	: thỉnh thoảng
- usually	: thông thường
- often	: thường xuyên
- always	: luôn luôn
- brush (my teeth)	: đánh răng
- do morning exercise	: tập thể dục buổi sáng
- sports centre	: trung tâm thể thao